TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 32/2025/QĐST-LĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Kiều Thị Uyên

***Thư ký phiên họp*:** Ông Hoàng Ngọc Linh - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp*:** Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 119/2025/TLST-VLĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 33/2025/QĐST-LĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Lâm Thị Thanh T, sinh năm: 1989; địa chỉ: Ấp T, xã T, Thành phố Cần Thơ, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Thu T1, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp H, xã T, Thành phố Cần Thơ, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty cổ phần S; địa chỉ: đường số B, KCN Đ, khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội cơ sở L1 thuộc Bảo hiểm xã hội Thành phố H, địa chỉ: đường N, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Lâm Thị Thanh T trình bày:

Từ tháng 07 năm 2009 đến tháng 09 năm 2009 bà T có làm việc tại công ty TNHH Standard Furniter Việt Nam và có đóng bảo hiểm xã hội số 7409214336 và từ tháng 04 năm 2010 đến 06 năm 2010 bà T có làm việc tại Công ty TNHH B (V), địa chỉ: G, đường B, khu chế xuất L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh và có đóng bảo hiểm xã hội mã số: 7910160850. Sau khi nghỉ việc tôi tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì phía Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của tôi còn có tham bảo hiểm với mã số 7409152563, tại Công ty TNHH B1; địa

chỉ: đường số C, KCN Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 4/2009 đến tháng 01/2010 và có tham bảo hiểm với mã số 7410170987 tại Công ty Cổ phần S; địa chỉ: Đường số B, KCN Đ, khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 6/2010 đến tháng 10/2010.

Lý do bà T có nhiều số sổ bảo hiểm vì thời điểm tháng 4/2009 đến tháng 01/2010 bà T cho em chồng của bà T tên Trần Thị Thu T1, sinh năm 1993 mượn hồ sơ của tôi để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH B1; địa chỉ: đường số C, KCN Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh và từ tháng 6/2010 đến tháng 10/2010 tôi cho cho bà T1 mượn hồ sơ của tôi để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S; địa chỉ: Đường số B, KCN Đ, khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Lý do bà T cho bà Trần Thị Thu T1 mượn hồ sơ là vì thời điểm năm 2009 bà T1 chưa đủ tuổi lao động nên mới mượn và sử dụng thông tin của bà T để giao kết Hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S với mã số bảo hiểm là 7410170987 từ tháng 6 năm 2010 đến tháng 01 năm 2010.

Vì vậy, bà T có yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết: Tuyên Hợp đồng lao động giữa bà Lâm Thị Thanh T (do bà Trần Thị Thu T1 ký kết) với Công ty Cổ phần S; địa chỉ: Đường số B, KCN Đ, khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh với với mã số bảo hiểm xã hội là 7410170987 là vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Thu T1 trình bày:

Tôi là em bên chồng của bà Lâm Thị Thanh T, vào thời điểm năm 2009, tôi chưa đủ tuổi giao kết hợp đồng lao động nên không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động, do không hiểu biết về mặt pháp luật nên tôi tôi đã mượn hồ sơ và thông tin cá nhân của chị tôi là bà Lâm Thị Thanh T để làm hồ sơ lao động.

Tôi đã mượn thông tin cá nhân của bà Lâm Thị Thanh T, sinh năm 1989 và đã làm việc tại Công ty TNHH B1; địa chỉ: đường số C, KCN Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 4/2009 đến tháng 01/2010 mã số bảo hiểm xã hội là 7409152563 và mượn hồ sơ của bà Lâm Thị Thanh T để làm việc tại Công ty Cổ phần S; địa chỉ: Đường số B, KCN Đ, khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 6/2010 đến tháng 10/2010 có tham bảo hiểm với mã số 7410170987.

Thời điểm tôi mượn giấy tờ của bà Lâm Thị Thanh T vì tôi chưa đủ tuổi để giao kết hợp đồng lao động vì không hiểu biết về mặt pháp luật nên tôi mới mượn như vậy

Nay, đối với yêu cầu của bà Lâm Thị Thanh T về việc Tuyên Hợp đồng lao động giữa Tuyên Hợp đồng lao động giữa Lâm Thị Thanh T (do bà Trần Thị Thu T1 ký kết) với Công ty Cổ phần S; địa chỉ: Đường số B, KCN Đ, khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh với với mã số bảo hiểm xã hội là 7410170987 vô hiệu thì bà T đồng ý và

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần S trình bày:

Công ty Cổ phần S được tòa án thông báo nội dung khởi kiện và tống đạt Quyết định mở phiên họp, nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu của yêu cầu của bà Lâm Thị Thanh T, không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết việc lao động.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu (viết tắt là BHXH) trình bày:

Qua kiểm tra dữ liệu lưu trữ hiện có trên hệ thống của ngành BHXH, đối với thông tin họ tên Bà Lâm Thị Thanh T, sinh năm 30/08/1988, số chứng minh nhân dân

351745703, số căn cước công dân 089188015987 có quá trình tham gia BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), ở các mã số BHXH như sau:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty Cổ phần S cho người lao động thì Công ty Cổ phần S có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Lâm Thị Thanh T với mã số BHXH 7410170987 từ tháng 03/2007 đến tháng 02/2010 tại Công ty TNHH L2.

Ngoài ra, bà Lâm Thị Thanh T còn có mã số 7412219350 có quá trình tham gia từ tháng 06/2010 đến tháng 02/2024 tại Công ty TNHH B (V).

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Lâm Thị Thanh T là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Lâm Thị Thanh T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu T1; người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu có yêu cầu giải quyết vắng mặt; người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần S vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 06/2010 đến tháng 10/2010, người lao động tên Lâm Thị Thanh T giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S và được Công ty Cổ phần S, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7410170987. Tuy nhiên, bà T và bà T1 đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S và thực tế làm việc tại công ty T2 khoảng thời gian từ tháng 06/2010 đến tháng 10/2010 là bà Trần Thị Thu T1 (do bà T cho bà T1 mượn chứng minh nhân dân).

[2.2] Xét thấy, lời khai của bà T, bà T1 và Công ty Cổ phần S phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S trong khoảng thời gian tháng 06/2010 đến tháng 10/2010 là bà Trần Thị Thu T1, không phải là bà Lâm Thị Thanh T.

Theo khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: "*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*". Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: "*Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khoẻ và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*" và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: "*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình*

trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu". Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: "*Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền*" và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: "*Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này*". Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L3 thì: *"...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...*". Do đó, có cơ sở xác định việc bà T1 mượn hồ sơ cá nhân của bà T để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH số 7410170987 từ tháng 06/2010 đến tháng 10/2010 tại Công ty Cổ phần S là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị Thanh T về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lâm Thị Thanh T với Công ty Cổ phần S sổ bảo hiểm xã hội số 7410170987 bị vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu:*"... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"*, chấp nhận yêu cầu của bà L và ý kiến của bà về việc xác định người lao động tại Công ty Cổ phần S trong giai đoạn từ tháng 06/2010 đến tháng 10/2010 là bà Trần Thị Thu T1, không phải là bà Lâm Thị Thanh T. Bà T và bà T1 có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7410170987.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Lâm Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39;Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Lâm Thị Thanh T.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lâm Thị Thanh T với Công ty Cổ phần S (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410170987) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410170987 không phải là bà Lâm Thị Thanh T, sinh năm 1989, giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 094189015035. Bà Lâm Thị Thanh T và bà Trần Thị Thu T1 được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7410170987.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Lâm Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0003975 ngày 17/7/2025 của Thi hành án Dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND thành phố Dĩ An khu vực 16, TP. Hồ Chí Minh;
- THA DS TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Kiều Thị Uyên